

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW như sau:

**I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1- Mục đích**

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp sinh học, lấy doanh nghiệp là chủ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

**2- Yêu cầu**

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIX.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển công nghệ sinh học phải đảm bảo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

**II- MỤC TIÊU**

**1- Mục tiêu tổng quát**

Tập trung phát triển một số sản phẩm công nghệ sinh học có thế mạnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản, bảo quản sau thu hoạch, chế biến thực phẩm; hoàn thành các mục tiêu ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học vào các ngành, lĩnh vực, góp phần tích cực cho sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh; tạo sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống của nhân dân. Xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực trong đẩy mạnh công nghiệp hóa và tăng trưởng GRDP của tỉnh, đưa tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại.

## 2- Mục tiêu cụ thể

### 2.1- Đến năm 2030

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh thúc đẩy phát triển và ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống của người dân, doanh nghiệp, nhất là chính sách thu hút doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ nghiên cứu, triển khai sản xuất, kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ đời sống và xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực; tiếp tục đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, tổ chức khoa học - công nghệ và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp sinh học theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên gia đầu ngành, chủ động phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp sinh học.

- Từng bước tiếp cận và ứng dụng công nghệ sinh học có trình độ tiên tiến, hiện đại trong một số lĩnh vực; tạo ra các sản phẩm mới bằng công nghệ sinh học (như: giống cây trồng, vật nuôi, chủng vi sinh vật, sản phẩm chế biến công nghiệp...) có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao.

- Công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng, thay thế ít nhất 50% sản phẩm công nghệ sinh học nhập khẩu; đóng góp khoảng 7% vào GRDP của tỉnh; bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

### 2.2- Tầm nhìn đến năm 2045

Hung Yên là tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển trong khu vực và cả nước; trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học. Công nghiệp sinh học đóng góp 10 - 15% vào GRDP của tỉnh, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của xã hội.

## IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1- Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Các cấp uỷ đảng, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm

nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

- Xác định phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

- Các cơ quan thông tin đại chúng chú trọng giới thiệu, quảng bá những thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

## **2- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học**

- Rà soát, ban hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; có chính sách thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh, ứng dụng công nghệ sinh học vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là sản xuất nông nghiệp tại các địa phương còn khó khăn; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm mối liên kết, hợp tác, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về sản phẩm công nghệ sinh học phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia.

## **3- Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; xây dựng nền công nghiệp sinh học của tỉnh**

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn, tạo ra các giống cây trồng có khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu tốt với dịch bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao như công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật, công nghệ lai tế bào, công nghệ gen, xử lý rác thải, phế phụ phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao dinh dưỡng, cải tạo tính chất vật lý, hóa học của đất, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng các công nghệ về sinh sản, đặc biệt là công nghệ sản xuất, bảo quản tinh đông lạnh và phương pháp thụ tinh nhân tạo để lai tạo ra các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ enzym, protein, vi sinh vật tạo sản phẩm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng vật nuôi, nâng cao sức đề kháng đối với các yếu tố sinh học và phi sinh học.

- Phát triển, ứng dụng, hiện đại hoá công nghệ sinh học trong công nghiệp bảo quản, chế biến dược liệu, thực phẩm gắn với quá trình sản xuất sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ sinh học trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thực phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Tập trung nghiên cứu, sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu địa phương kết hợp y học cổ truyền. Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để sản xuất các sản phẩm chủ lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường liên kết các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm công nghệ sinh học.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các sáng chế, giải pháp hữu ích về công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới và trong nước, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

#### **4- Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học**

- Xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học từ giáo dục phổ thông đến đại học, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.



- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về công nghệ sinh học, hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín đạt trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

- Quan tâm đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ và phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà Hưng Yên có lợi thế.

- Xây dựng xã hội đào tạo, bồi dưỡng hoặc lồng ghép trong chương trình đào tạo hằng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức về công nghệ sinh học.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước xây dựng, đầu tư, hoàn thiện khu, trung tâm, phòng thí nghiệm công nghệ sinh học tại tỉnh; hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định; xây dựng một số trung tâm kiểm soát dịch bệnh đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Có chính sách hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ cao.

### **5- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học**

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học trong quá trình hợp tác. Khuyến khích mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao phù hợp với đặc điểm của tỉnh; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển, tranh thủ những kinh nghiệm và tiếp nhận tài trợ cho phát triển công nghệ sinh học của tỉnh.

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1- Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của ngành, đơn vị; phân công nhiệm vụ cho các tập thể, cá nhân phụ trách và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kế hoạch này.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa thành các quy định, cơ chế, chính sách theo chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn; ưu tiên bố trí nguồn lực hợp lý cho việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này.

3- Ban Dân vận Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng, triển khai đồng bộ các giải pháp vận động, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 36-NQ/TW, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia giám sát, phản biện việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kế hoạch này.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp và người dân về những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kế hoạch này; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW (để báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- ĐD HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo VPTU; TKBTTU,
- CV Phòng KT-XH,
- Lưu VP TU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Trần Quốc Toán**